

BỘ Y TẾ  
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ  
TÂY NGUYÊN

Số: 127/VTN-VTQT  
V/v mời báo giá sinh phẩm, vật tư  
tiêu hao phục vụ công tác chuyên  
môn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk Lăk, ngày 16 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi:** Các đơn vị có khả năng cung ứng trên thị trường

Hiện nay, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên có nhu cầu mua sắm một số sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác chuyên môn (danh mục chi tiết kèm theo);

Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên kính mời các đơn vị có năng lực gửi báo giá dịch vụ thẩm định giá. Yêu cầu báo giá như sau:

1. Thông tin báo giá: theo mẫu phụ lục 1 đính kèm ( trong đó đơn giá đã bao gồm thuế, phí theo quy định).
2. Hiệu lực báo giá: tối thiểu 90 ngày.
3. Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 23/03/2026.
4. Địa điểm cung cấp hàng hóa: 34 Phạm Hùng, P. Tân An, Tỉnh Đăk Lăk.
5. Đơn vị nhận báo giá: Phòng Vật tư – Quản trị, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, 34 Phạm Hùng, P. Tân An, Tỉnh Đăk Lăk.
6. Tính pháp lý: báo giá phải được ký tên, đóng dấu của người đại diện theo quy định.

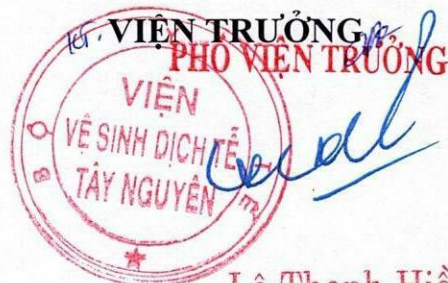
*Lưu ý: Quý đơn vị có thể chào giá toàn bộ hoặc một số danh mục theo khả năng cung ứng, chào giá theo quy cách đóng gói nhỏ nhất.*

Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VTQT;
- TTĐT (đăng website).



Lê Thanh Hiền

## DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn mời báo giá số 122/VTN-VTQT ngày 16/03/2026 của Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên)

Stt	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Khối lượng/ Số lượng	Hãng sản xuất	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hóa chất/ Sinh phẩm</b>						
1	Môi trường Hektoen enteric Agar	Peptone: 12 g/L; Muối Mật (Bile Salts): 9.0 g/L; Natri Clorua (NaCl): 5.0 g/L; Natri Thiosulfat : 5.0 g/L; Amoni Citrat Sắt (Ferric Ammonium Citrate): 1.5 g/L; Lactose, Sucrose, Salicin: 12.0 g/L; Bromothymol Blue & Acid Fuchsin: 0,06 - 0,1 g/L; Agar: 14 g/L; Độ pH: 7.5+/- 0.2.; Bảo quản ở nhiệt độ phòng	Lọ		1		
2	Môi trường Kligler Iron Agar	Peptone from Casein: 15 g/l; Peptone from Meat: 5 g/l; Meat Extract: 3 g/l; Yeast Extract: 3 g/l; NaCl: 5 g/l; Lactose: 10 g/l; D(+)-Glucose: 1 g/l; Ammonium Iron(III) Citrate: 0.5 g/l; Sodium Thiosulfate: 0.5 g/l; Phenol Red: 0.024 g/l; Agar-Agar: 12 g/l; pH: 7.2 -7.6	Lọ		1		
3	Chỉ thị sinh học Biological Indicators - BI	- Vi sinh vật sử dụng: Bào tử Geobacillus stearothermophilus. - Mật độ bào tử (Population): Thường là 10 <sup>5</sup> hoặc 10 <sup>6</sup> bào tử/ống. - Giá trị D (D-value): Thời gian cần thiết để tiêu diệt 90% lượng bào tử ở nhiệt độ 121 độ C. - Nhiệt độ tiệt trùng của test: 121 độ C. - Thời gian ủ: 24-48h. - Nhiệt độ ủ: 55 - 60 độ C.	Hộp		1		
4	Test Oxidase	- Hình dạng: Đĩa giấy tròn (đường kính 6mm) hoặc que giấy/strip. - Thành phần vật liệu: Giấy lọc vô trùng tẩm TMPD dihydrochloride trong dung dịch bảo quản. - Bảo quản: 2°C - 8°C.	Hộp		1		

5	Test Catalase	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Enzyme kiểm tra: Catalase</li> <li>- Cơ chất: Dung dịch Hydrogen Peroxide H<sub>2</sub>O<sub>2</sub></li> <li>- Phản ứng chính: Enzyme Catalase sẽ phân hủy chất độc hại H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> (sản phẩm phụ của quá trình hô hấp tế bào) thành hai chất vô hại là nước và khí Oxy.</li> <li>- Hóa chất sử dụng: Dung dịch Hydrogen Peroxide (Nước oxy già) nồng độ 3% (thông dụng cho vi khuẩn hiếu khí) hoặc 15% (cho vi khuẩn kỵ khí).</li> <li>- pH tối ưu: 7.0</li> <li>- Bảo quản: 2°C - 8°C.</li> </ul>	Hộp		1		
6	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và hình que (ANC)	Cung cấp khả năng định danh mức loài nhanh, chính xác của vi khuẩn ANC đáng quan tâm về phương diện lâm sàng bên trong thẻ dùng một lần, tự chứa, dùng với hệ thống định danh tự động VITEK® 2.	Hộp	Hộp/25 test	1	bioMérieux	ANC ID Card-
7	Máu cừu	Bổ sung môi trường BA và Schroer Đạt chứng nhận: IVD	Lọ		1		
8	Môi trường Bodet Gengou (Bodet Gengou agar base)	Môi trường nuôi cấy chọn lọc vi khuẩn Ho gà Thành phần: Khoai tây, nước sắc từ: 125 g/l Natri clorua 5,50 g/l Thạch 20.00 g/l Độ pH cuối cùng: 6,7 ± 0,2 ở 25°C	Hộp		1		
9	Bordetella selective Supplement	Bổ sung môi trường Bodet Gengou	Hộp		1		
10	Vitamino Growth Supplement	Hoá chất bổ sung vào môi trường Schroer	Hộp		1		
11	Dung dịch Potassium tellurite 1%	Hoá chất bổ sung vào môi trường Schroer	Hộp		1		
12	BHI broth	Môi trường canh thang tăng sinh các loại vi khuẩn. Thành phần: Bột truyền dịch HM: 12.500 g/l - Bột BHI: 5.000 g/l - Peptone Proteose: 10.000 g/l - Dextrose (Glucose): 2.000 g/l - Natri clorua: 5.000 g/l - Dinatri photphat: 2.500 g/l	Hộp		1		
13	NaCl (tinh khiết)	Dung dịch muối NaCl 0,9% tinh khiết, vô trùng	Chai		1		

14	Chromagar Pseudomonas	Môi trường nuôi cấy phân lập và phân biệt tụ các loài Pseudomonas Thành phần: Agar 15 g/l Peptones 20 g/l Salts 8 g/l Selective and Chromogenic mix 2.5 g/l Đạt chứng nhận: IVD	Hộp/500g	Hộp	1		
15	Cồn 100%	* Công thức hóa học: C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O; * Khối lượng phân tử: 46,07 g/mol; * Nhiệt độ sôi 78,3°C (1013 hPa); * Tỉ trọng 0.790 - 0.793 g/cm <sup>3</sup> (20°C); * Nhiệt độ nóng chảy -114,5°C; * pH 7,0 (10 g/l, H <sub>2</sub> O, 20°C); * Độ tinh sạch ≥ 99,9%; H <sub>2</sub> O ≤ 0,1%;	lít		4	Merck	1009831000
16	Cồn 70%	Dung dịch ethanol 70% và nước tinh khiết, trong suốt, không màu.	Chai/1l	chai	20		
17	Chai cấy máu	Chai cấy máu vô trùng, dùng cho máy cấy máu Bactec. Thành phần: Nước đã qua xử lý :30 mL; Soybean-Casein Digest Broth : 3.0 % w/v; Cao nấm men: 0.4% w/v,...	Hộp		1		
<b>II</b>	<b>Hóa chất/ sinh phẩm Elisa, PCR</b>						
1	<i>Shigella spp realtime PCR Kit</i>	Xét nghiệm phát hiện gen độc tố Shigella bằng kỹ thuật realtime-pcr ( sử dụng cho các máy QuantuS.5, AP7500Fasst, CyberQ)	Hộp		1		
2	<i>Bordetella Pertussis real time PCR kit</i>	Xét nghiệm phát hiện gen độc tố ho gà bằng kỹ thuật realtime-pcr ( sử dụng cho các máy QuantuS.5, AP7500Fasst, CyberQ) Đạt chứng nhận IVD	Hộp		1		
3	<i>Salmonella realtime PCR Kit</i>	Dùng để khuếch đại và phát hiện đoạn gen đặc trưng của loài Salmonella spp, có thể sử dụng được trên nhiều máy Real-time PCR, Kit có thể chạy trên máy có các kênh màu: FAM/HEX/VIC/JOE hoặc TET (QuantuS.5, AP7500Fasst, CyberQ) Đạt chứng nhận IVD	Hộp		1		
4	<i>Rickettsia realtime PCR Kit</i>	Xét nghiệm có khả năng phát hiện các loài Rickettsia bằng kỹ thuật realtime-pcr ( sử dụng	Hộp		1		

		cho các máy QuantuS.5, AP7500Fasst, CyberQ) Đạt chứng nhận IVD					
5	Bộ Kit Real Time - PCR C.Botulinum	Dùng để khuếch đại và phát hiện đoạn gen đặc trung của loài C.Botulinum, có thể sử dụng được trên nhiều máy Real-time PCR (QuantuS.5, AP7500Fasst, CyberQ) Đạt chứng nhận IVD	Hộp			1	
6	Bộ kit ELISA xét nghiệm Dengue virus IgM Dung dịch RF đi kèm với bộ sinh phẩm.	Bộ dụng cụ hoàn chỉnh bao gồm một đĩa 96 giếng có thể tháo rời với tất cả thuốc thử và chất kiểm soát cần thiết. Bao gồm: - STD: huyết thanh tiêu chuẩn (sẵn sàng sử dụng) - NEG: Huyết thanh kiểm soát âm tính (sẵn sàng sử dụng) - APC liên hợp IgA, IgG hoặc IgM kháng người (sẵn sàng sử dụng) - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc 10X - DILB: Đệm pha loãng - STOP: Dung dịch dừng phản ứng - 1 pNPP Chất nền (sẵn sàng sử dụng) Dung dịch RF đi kèm;	96 test/ hộp	hộp		2	SERION  Cat: ESR114M (Có thể báo giá cả hàng IVD và RUO)
7	Bộ kit ELISA xét nghiệm IgM Viêm Não Nhật Bản	Bộ sản phẩm hoàn chỉnh bao gồm một đĩa 96 giếng có thể tháo rời với tất cả các thuốc thử và chất kiểm soát cần thiết. Bao gồm: Dải Microtiter phủ IgM kháng người: 96 Giếng Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho JE DetectIgM: Một chai 25 MI Kháng nguyên JE sẵn sàng sử dụng (JERA) cho IgM: Một ống (3ml) Kháng nguyên tế bào bình thường (NCA) sẵn sàng sử dụng cho IgM: Một ống(3ml) Đạt chứng nhận: IVD	96 test/ hộp	Hộp		2	DRG  Cat: EIA- 4505 (Có thể báo giá cả hàng IVD và RUO)
8	Bộ kit Elisa IGM chẩn đoán phát hiện kháng thể kháng Chikungunya	"Loại mẫu xn: Huyết thanh hoặc huyết tương; Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. Thành phần của Bộ dụng cụ: 1. Đĩa : 12 dải tách rời 8 giếng được phủ kháng thể IgM người; trong giấy bạc. 2. Đệm pha loãng mẫu, sẵn sàng sử dụng; 3.	96 test/ hộp	Hộp		1	Có thể báo giá cả hàng IVD và RUO

		<p>Dung dịch dừng phản ứng; sẵn sàng sử dụng</p> <p>4. Đệm rửa (nồng độ 20x) đệm phosphat đậm đặc gấp 20 lần</p> <p>5. kháng nguyên virus Chikungunya đông khô;</p> <p>6. Dung dịch kháng thể virus Chikungunya gắn biotin, sẵn sàng sử dụng;</p> <p>7. Liên hợp: Streptavidin liên hợp với peroxidase, sẵn sàng sử dụng</p> <p>8. Dung dịch cơ chất TMB; sẵn sàng sử dụng;</p> <p>9. Đối chứng dương tính; sẵn sàng sử dụng</p> <p>10. Kiểm soát dương tính; 11. Kiểm soát âm tính</p> <p>Đạt chứng nhận IVD</p>				
9	Primer/Probe cho chẩn đoán Tay - Chân - Miệng	<p>Mỗi EV: EV-F: TAC TTT GGG TGT CCG TGT TT</p> <p>EV-R: TGG CCA ATC CAA TAG</p> <p>EV-Probe: FAM-AYT GGC TGC TTA TGG TGA CRA T-BHQ1</p> <p>Mỗi CA6:CA6-F: CAA GCT GCA GAA ACG GGA G</p> <p>CA6-R: GCT CCA CAC TCG CCT CAT T</p> <p>CA6-probe: FAM-ACC CCG TTT CGA TTC ATC ACA CA-BHQ1</p> <p>Mỗi CA10:CA10-F : GAA ATG GRG TGT TGG AAA CCA</p> <p>CA10-R: TTT CTG CGR AGT TGG ACA AGG</p> <p>CA10-Probe: FAM-ATC AAC CAY TTC TTC TCY CGC TCT GG-TAMSp</p> <p>Mỗi CA16:CA16-F: CAA GTA YTA CCT ACR GCT GCC AA</p> <p>CA16-R: CAA CAC ACA TCT MGT CTC AAT GAG</p> <p>CA16-Probe: CY5-TAC CAG CAC TRC AAG CYG CGG AG</p> <p>Mỗi đông khô; Nồng độ primer R, F: 100nm, probe nồng độ 40nm; Dung dịch buffer TE 1X không nuclease (pH = 8 hoặc pH = 7) đi kèm để hoàn nguyên primer và probe</p>	12 ống/bộ	bộ	1	



10	Primer và probe dùng cho xét nghiệm virus Dengue và chikungunya trên muỗi	<p>Khuếch đại cho muỗi ades:</p> <p>RPS17 FWD : 5'- TCCGTGGTATCTCCATCAAGCT-3' RPS17 REV: 5'- CACTTCCGGCACGTAGTTGTC-3' RPS14 Probe: 5'-FAM- CAGGAGGAGGAACGTGAGCGCAG- BHQ1-3' Dengue: DENV-G FWD :5'- AAGGACTAGAGGTTAGAGGAGACCC-3' DENV-G REV:5'- CGTTCTGTGCCTGGAATGATG-3' DEN probe:5'- Lc640- AACAGCATATTGACGCTGGGAGAGACCA GA-owablack-3' Chikv: CHIK FWD :5'- AAGCTYCGCGTCCTTTACCAAG3' CHIK REV:5'- CCAAATTGTCCYGGTCTTCCT-3' CHIKV probe:5'-HEX- CCAATGTCYTCNGCCTGGACACCTT- BHQ1-3' Primer và Probe dạng đông khô, nồng độ đầu vào 100 nmol/ ống</p>		ống	9		
11	Primer/Probe cúm A (2 bộ), cúm B (2 bộ), A/H3, A/H1pdm09; N2	<p>Flu A: Mỗi xuôi: CAT GGA RTG GCT AAA GAC AAG ACC; Mỗi ngược: AGG GCA TTT TGG ACA AAK CGT CTA; Probe: 5' - FAM - TGC AGT CCT CGC TCA CTG GGC ACG -BHQ -1 -3': Flu B: Mỗi xuôi: TCC TCA ACT CAC TCT TCG AGC G; Mỗi ngược: CGG TGC TCT TGA CCA AAT TGG; Probel: 5' - FAM - CCA ATT CGA GCA GCT GAA ACT GCG GTG - BHQ - 1 - 3' H1pdm09: Mỗi xuôi: GTG CTA TAA ACA CCA GCC TYC CA; Mỗi ngược: CGG GAT ATT CCT TAA TCC TGT RGC; Probe: FAM - CA GAA TAT ACA "T"CC RGT CAC AAT TGG ARA A - BHQ - 1 - 3' H3: Mỗi xuôi: AAG CAT TCC YAA TGA CAA ACC; Mỗi ngược: ATT GCR CCR AAT ATG CCT</p>	21 ống/ bộ	bộ	1		

		CTA GT; Probe1 : FAM - CAG GAT CAC A“T”A TGG GSC CTG TCC CAG – BHQ-1, N2: Môi xuôi: GTC CAA CCC TAA GTC CAA; Môi ngược: GCC ACA AAA CAC AAC AAT AC; Probe: FAM - CTT CCC CTT ATC AACTCC ACA - BHQ1 Môi đông khô; Nồng độ primer R, F: 100nm, probe nồng độ 40nm; Dung dịch buffer TE 1X không nuclease (pH = 8 hoặc pH = 7) đi kèm để hoàn nguyên primer và probe					
12	Môi trường vận chuyển virus	Sử dụng để bảo quản mẫu bệnh phẩm là virus; 2 - 3ml dung môi, ống chứa loại 15ml, đáy nhọn. Môi trường vận chuyển mẫu được sử dụng cho quá trình thu thập, vận chuyển và bảo quản mẫu bệnh phẩm có chứa tác nhân virus (bao gồm cả Sars-CoV-2 gây bệnh COVID-19) - Các mẫu bệnh phẩm đường hô hấp bao gồm đường hô hấp trên và đường hô hấp dưới đều có thể bảo quản trong môi trường này. - Thành phần: FBS, Gentamicin, Amphotericin B (Fungizone), HBSS 1X. - Đạt chứng nhận: ISO 13485:2016 - Vận chuyển và bảo quản ở 2-25oC. - Hạn sử dụng: 1 năm kể từ ngày nhận hàng (bảo quản ở 2-8 độ).	3ml/ ống	Ống	200	ATB	MT-003
13	Bộ kit ELISA xét nghiệm IgM Rubella; Dung dịch RF đi kèm	Xét nghiệm miễn dịch enzym để xác định virus Sởi trong huyết thanh, nước rửa 10X, tấm microtiter với 96 giếng (12 dải với 8 giếng có thể tháo rời mỗi dải), độ nhạy > 95%; độ đặc hiệu > 99%, HSD > 24 tháng	96 test/ hộp	Hộp	1	SERION	Code: ESR 129M
14	RIDASCREEN Rotavirus	Xét nghiệm miễn dịch enzym để xác định Rotavirus trong mẫu phân, nước rửa 10X, tấm microtiter với 96 giếng (12 dải với 8 giếng có thể tháo rời mỗi dải), độ nhạy > 95%; độ đặc hiệu > 99%, HSD > 24 tháng	96 test/ hộp	Hộp	1		
15	Primer và Probe dùng cho phản ứng realtime PCR chẩn đoán Sởi	Sởi: MVN1139 (xuôi): TGGCATCTGAACTCGGTATCAC MVN1213 (ngược):	6 Ống/ bộ	Bộ	1		

		TGTCCTCAGTAGTATGCATTGCAA MVNP1163 (probe): FAM- CCGAGGATGCAAGGCTTGTTTCAG A- BHQ Rnase - P HURNASE-P xuôi: AGATTTGGACCTGCGAGCG HURNASE-P ngược: GAGCGGCTGTCTCCACAAGT HURNASE-P probe: FAM- TTCTGACCTGAAGGCTCTGCGCG-BHQ1					
16	Rnase Inhibitor (optional)	Chất ức chế Ribonuclease Rnasin, protein tái tổ hợp, dùng trong tổng hợp cDNA; Nồng độ: 20U	400ul/tube	Tube	1		
17	Sinh phẩm chạy Rt - PCR	Thành phần phản ứng bao gồm: QIAGEN OneStep RT-PCR Enzyme Mix (1 x 200 µl), 5x QIAGEN OneStep RT-PCR Buffer (1 x 1 ml), dNTP Mix (1 x 200 µl, mỗi loại 10 mM), 5x Q-Solution (1 x 2 ml), RNase-Free Water (2 x 1,9 ml)	100 test/bộ	Bộ	2	Qiagen	Code:210210
18	Primer và Probe dùng cho phản ứng realtime PCR chẩn đoán Sốt xuất huyết	Primer: Trình tự 3'-5': D1F: CAA AAG GAA GTC GTG CAA TA D1C: CTG AGT GAA TTC TCT CTA CTG AAC C D2F: CAG GTT ATG GCA CTG TCA CGA T D2C: CCA TCT GCA GCA ACA CCA TCT C D3F: GGA CTG GAC ACA CGC ACT CA D3C: CAT GTC TCT ACC TTC TCG ACT TGT CT D4F: TTG TCC TAA TGA TGC TGG TCG D4C: TCC ACC TGA GAC TCC TTC CA Probe: D1: FAM-CAT GTG GTT GGG AGC ACG C-BHQ1 D2: HEX-CTC TCC GAG AAC AGG CCT CGA CTT CAA-BHQ1 D3: TexRd-ACC TGG ATG TCG GCT GAA	12 ống/ bộ	Bộ	2		

		GGA GCT TG-BHQ2 D4: Cy5-TTC CTA CTC CTA CGC ATC GCA TTC CG-3IAbRQSp Primer và Probe dạng đông khô, nồng độ đầu vào 100 nmol/ ống Dung dịch buffer TE 1X không nuclease (pH = 8 hoặc pH = 7) đi kèm để hoàn nguyên primer và probe					
19	Sinh phẩm chạy phản ứng RT-PCR 1 bước (RT-PCR Kit) dùng cho giải trình tự gen sốt xuất huyết	"Phương pháp PCR: RT-PCR 1 bước; Loại sản phẩm: One-Step RT-PCR Kit Quy cách: 100 phản ứng/ bộ; Điều kiện vận chuyển: Đá khô Ứng dụng: phát hiện virus gây bệnh, biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh Mẫu sử dụng: RNA; Thời gian phản ứng: 30 phút; Phương pháp phát hiện: Điện di Quy cách • SuperScript III RT/Platinum Taq Mix (200µL) • 2X Reaction Mix (3 x 1 mL) • 5 mM Magnesium Sulfate (500 µL)"	Quy cách mong muốn: 100 test/ hộp	Test	100	Invitrogen	Code:125740 26
20	Bộ giải trình tự chu kỳ/ Dung dịch đệm giải trình tự	Sử dụng công nghệ đọc tín hiệu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang, phù hợp với hệ thống máy giải trình tự gen ABI -3500. Thành phần phản ứng bao gồm: 1 ống 800µl BigDye™ Terminator v3.1 Ready Reaction Mix, 1 ống M13 (-21) Primer, 1 ống pGEM Control DNA, 2 ống 1mL 5X Sequencing Buffer	Quy cách mong muốn: 100 test/ hộp	Test	100	Thermo	Code:433691 7
21	Túi dung dịch Polymer dùng cho điện di mao quản	Sinh phẩm dùng cho máy Sequencer ABI 3500, Dạng:Chất lỏng "POP-7 TM polymer; Các polyme POP được sản xuất đặc biệt để tách các đoạn DNA có kích thước xác định trong phạm vi nhất định với độ phân giải và thời gian chạy mong muốn"	96 mẫu/ túi	Túi	1		
22	Thang DNA chuẩn(1000bp)	6X DNA Loading Dye, 2 x 1mL DNA Ladder		Bộ	1		
23	Bộ dụng cụ tinh sạch bằng phương pháp cột lọc gel	Bộ dụng cụ sử dụng công nghệ lọc gel để tinh sạch sản phẩm giải trình tự.	Quy cách mong muốn:	Test	200	Qiagen	Code: 63204

		Bao gồm 50 Cột DyeEx Spin, Ống thu thập (2 ml)	50 test/hộp				
24	Thuốc thử làm sạch sản phẩm PCR	Thuốc thử làm sạch sản phẩm PCR ExoSAP-IT™ được sử dụng để làm sạch bằng enzym sản phẩm PCR được khuếch đại. Thuốc thử này thủy phân các đoạn nối và nucleotide dư thừa của sản phẩm PCR	Quy cách mong muốn: 100 test/hộp	test	100	Thermo	Code: 78200.200.UL
25	Nước cất tinh sạch free nuclease dùng cho PCR	Nước tinh sạch free nuclease dùng cho PCR	chai/ 100 ml	Chai	1		
26	Bộ dụng cụ tinh chế PCR	Bộ kit tinh chế PCR QIAquick cung cấp cột ly tâm, dung dịch đệm và ống thu thập để tinh chế sản phẩm PCR có kích thước >100 bp bằng màng silica	50 cột/ hộp	Hộp	1		
27	Primer dùng cho giải trình tự gen cúm	M13F TGTAACGACGGCCAGT M13R CAGGAAACAGCTATGACC pdmHA1-M13F TGTAACGACGGCCAGTATGAAGGCA ATACTAGTAG pdmHA1-M13R CAGGAAACAGCTATGACCGATCGGATGT ATATTCTGAAATGG pdmHA2-M13F TGTAACGACGGCCAGTGATTGCAATA CAACTTGTC pdmHA2-M13R CAGGAAACAGCTATGACCAATACATATT CTACTGTAGAGACCCA H3HA1-M13F TGTAACGACGGCCAGTAAAGCAGGG GATAATTCTA H3HA1-M13R CAGGAAACAGCTATGACCATTGCTGCTT GAGTGCTT H3HA2-M13F TGTAACGACGGCCAGTGGTTACTTCA AAATAC H3HA2-M13R CAGGAAACAGCTATGACCAGTAGAAAC	14 ống/bộ	Bộ	1		

		<p>AAGGGTGTTTT  BHA 1-M13F  TGTA AACGACGGCCAGTGCAGAGCATT  TTCTAA  BHA 1-M13R  CAGGAAACAGCTATGACCACCAGCAATA  GCTCCRAA  BHA 2-M13F  TGTA AACGACGGCCAGTCCTCAAAARG  TGTGGTG  BHA 2-M13R  CAGGAAACAGCTATGACCAGTAGTAACA  AGAGCAT</p>					
28	Sinh phẩm cho phản ứng realtime RT-PCR chẩn đoán virus	<p>Đạt chuẩn IVD Class A (Chẩn đoán in vitro nhóm A). Tuân thủ ISO 13485 và ISO 9001. Hỗn hợp bao gồm 3 thành phần chính đều là dạng Glycerol-free (không chứa Glycerol): 1. HS TaqY Polymerase: 28 U/μL. 2. Reverse Transcriptase: 2 kU/μL (nồng độ rất cao). 3. RNase Inhibitor Y: 160 U/μL. Có khả năng thực hiện phản ứng phiên mã ngược (Reverse Transcription) cực nhanh: chỉ 01 phút ở nhiệt độ cao 60°C. Hỗ trợ phát hiện đồng thời lên đến 07 đích (targets) trong cùng một phản ứng. Đã được xác nhận hiệu năng trên các virus đường hô hấp như SARS-CoV-2. Chịu được tối thiểu 10 chu kỳ đông - rã đông mà không ảnh hưởng chất lượng. Đạt chứng nhận: IVD</p>	Quy cách mong muốn: 100 phản ứng/ hộp	test	300	NZYtech (Bồ Đào Nha)	Code: MD07491
29	Sinh phẩm cho phản ứng realtime PCR chẩn đoán virus	<p>Enzym phiên mã ngược Platinum® Taq DNA polymerase và dung dịch đệm có đầy đủ các thành phần cho sinh học phân tử MgCl<sub>2</sub>, dATP, dCTP, dGTP, dTTP; đệm phản ứng được tối ưu hóa và hệ thống có thể phát hiện nhiều loại mục tiêu RNA, từ 200 bp đến 4,5 kb. Lượng nguyên liệu ban đầu có thể nằm trong khoảng từ 0,01 pg đến 1 μg RNA tổng số.</p>	500 phản ứng/ hộp	test	500	Invitrogen	Code: 11732-088

30	Kit tách chiết ARN/ ADN	<p>Bộ xét nghiệm IVD chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA bộ gen, DNA/RNA virus, DNA vi khuẩn bằng công nghệ cột lọc. Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD</p> <p>Nguồn mẫu: đa nguồn mẫu (huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không tế bào, các loại mẫu phết, mẫu đờm, dịch rửa phế quản, dịch tiết khí quản, mẫu vi khuẩn nuôi cấy, dịch nổi mẫu phân, dịch não tủy, dịch nổi nuôi cấy tế bào, mẫu máu tươi/đông lạnh, mô sinh thiết, nước tiểu).</p> <p>Thông số kỹ thuật: + Khả năng tách chiết từ 100 ul máu tươi, 200 ul huyết thanh/ huyết tương/ nước tiểu/ dịch não tủy (CSF)/ dịch nổi phân, 200 ul mẫu đờm, dịch hút khí quản, sữa. + Hiệu suất thu hồi DNA genome từ máu toàn phần: 1 ug DNA. + Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết.</p>	Quy cách mong muốn: 50 test/ hộp	test	300		
31	Kit tách chiết ARN	<p>Thành phần: Cột lọc: 250 chiếc; Ống thu hồi 2ml: 750 chiếc; Đệm AVL: 155 ml; Đệm AW1: 98 ml; Đệm AW2: 66 ml; Đệm AVE: 20 ml; Carrier RNA (poly A): 1550 µg, thể tích mẫu đầu vào 140 ul.</p> <p>Mục đích sử dụng: Để tách chiết RNA vi rút từ huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không có tế bào và chất nổi trên bề mặt nuôi cấy</p>	250 test/ Hộp	test	500	QIAGEN	Code: 52906
32	Bộ môi khuếch đại dùng cho GTT gen	<p>D2 F: TCG CTC CTT CAA TGA CAA TGC D2R: CAG CTC ACA ACG CAA CCA CTA</p> <p>Nồng độ môi: 50pm</p>	2 ống/bộ	Bộ	1		
<b>III</b>	<b>Hóa chất/ sinh phẩm phân lập virus và HIV</b>						
1	Môi trường nuôi cấy Dulbecco's Modified Eagle Medium (DMEM)	<p>Dạng dung dịch, dùng trong nuôi cấy tế bào. Thành phần bao gồm: Sodium bicarbonat, L-glutamin và natri pyruvat, dạng lỏng, được lọc vô trùng</p>	Quy cách mong muốn: chai 500 ml	Chai	10		Sigma (D6429) hoặc Corning (10-

							27CV)
2	Kháng sinh Penicillin – Streptomycin sulfate	Dạng bột, nồng độ: 10.000U/ml penicillin G ; 10.000µg/ml streptomycin sulfate	lọ 100g	Lọ	1	BI	Code: 03-031-1B
3	Huyết thanh bê bào thai đã xử lý nhiệt (HI-FBS)	Đạt chứng nhận ISO 13485; được chế biến tại các cơ sở đã đăng ký với FDA. Được lọc ba lần ở kích thước 0,1 µm.	chai 500 ml	Chai	1	Gibco	Code: A5670801
4	Môi trường đông lạnh tế bào	Dung dịch dùng để bảo quản lạnh tiện lợi, gốc huyết thanh, được bào chế cho nhiều loại tế bào động vật có vú. Thành phần được tối ưu hóa của nó đảm bảo khả năng bảo quản lâu dài đáng tin cậy, duy trì tỷ lệ phục hồi và khả năng sống sót cao sau khi rã đông, ngay cả đối với các tế bào nhạy cảm hoặc khó bảo quản.	Quy cách mong muốn: chai 100 ml	Chai	1		CELLBANK ER 2
5	Sodium bicarbonate/ NaHCO3	Dung dịch sodium bicarbonat nồng độ 7,5% dùng trong phân lập virus	chai/ 100 ml	Chai	1	Corning	Code: 25-035-CL
6	Kháng sinh Ciprofloxacin	Dạng bột, thành phần chính là ciprofloxacin hydroclorid	lọ/ 100mg	Lọ	1	Corning	code: 61-277-RG
7	Kháng sinh Amphotericin B	Dạng bột đông khô, màu vàng cam. Độ tinh khiết trên 90%	lọ/ 50mg	Lọ	1	Corning	Code: 30-003-CF
8	Kháng sinh Kanamycin sulfate	Dạng bột, màu trắng/ trắng ngà. Độ tinh khiết trên 95%	lọ/ 50mg	Lọ	1	Corning	Code: 30-006-CF
9	PBS 10X	Dung dịch đẳng trương. Thành phần: Dung dịch 10X chứa NaCl 1,37M, KCl 0,027M và photphat 0,119M	chai/ 500 ml	chai	2	Corning	Code: 46-013-CM
10	TPCK Trypsin	Dùng để phân tích axit amin và xác định trình tự protein	chai/ 100 ml	chai	1	Thermo	Code: 20233
11	Trypsin EDTA	Bao gồm enzyme Trypsin (phân giải protein) và EDTA (chất chelat ion kim loại) trong dung dịch đệm	chai /100 ml	chai	1		
12	Dung dịch đệm duy trì pH: HEPES	HEPES là dung dịch đệm gồm HEPES, MES và natri axetat hòa tan trong nước, được sử dụng để duy trì độ pH ổn	chai /100 ml	Chai	1		

		định trong khoảng từ 5,0 đến 7,5 trong các thí nghiệm khoa học.					
13	Dung dịch Alsever	Là một dung dịch muối đẳng trương, cân bằng, dùng làm chất chống đông máu và bảo quản ống cầu trong nghiên cứu. Thành phần: Dextrose (Đường): Khoảng 2,05%. Natri Citrat (Sodium Citrate): Khoảng 0,8%. Axit Citric (Citric Acid): Khoảng 0,055%. Natri Clorua (Sodium Chloride): Khoảng 0,42%	chai /100 ml	chai	1		
14	Dung dịch PBS	bao gồm nước cất và các muối: Natri Clorua (NaCl), Kali Clorua (KCl), Kali Dihydro Photphat (KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> ), và Dinatri Hydro Photphat (Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> ), với độ pH khoảng 7.2-7.4	chai /500 ml	chai	3		
15	Test nhanh xét nghiệm chẩn đoán HIV (Determine HIV 1/2)	Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu cao $\geq 99,7\%$ , Phát hiện được cả HIV 1 và HIV 2, Nhận biết kết quả rõ ràng, Độ ổn định kết quả 60 phút, Bảo quản: 1-30°C.	20 test/hộp	Hộp	1		
16	Test nhanh xét nghiệm chẩn đoán HIV (Bioline HIV 1/2 3.0)	Độ nhạy và độ đặc hiệu cao $\geq 99\%$ , Phát hiện được cả HIV 1 và HIV 2, Nhận biết kết quả rõ ràng, Cho kết quả nhanh 10- 20 phút, Bảo quản: 1-30°C.	30test/hộp	Hộp	1		
17	Test nhanh xét nghiệm chẩn đoán HIV (Advance Quality Rapid HIV 1&2)	Độ nhạy và độ đặc hiệu cao $\geq 99\%$ , Phát hiện được cả HIV 1 và HIV 2, Nhận biết kết quả rõ ràng, Cho kết quả nhanh 10- 20 phút, Bảo quản: 1-30°C.	30 test/hộp	Hộp	1		
<b>III</b>	<b>Vật tư tiêu hao</b>						
1	Đầu côn 1000 $\mu$ l có lọc	Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 100 - 1.000 $\mu$ l, sử dụng được nhiều loại micropipet	96 cái/ hộp	Hộp	70		
2	Đầu côn 200 $\mu$ l có lọc	Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 10 - 200 $\mu$ l, sử dụng được nhiều loại micropipet	96 cái/ hộp	Hộp	60		

3	Đầu côn 100 $\mu$ l có lọc	Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 10 - 100 $\mu$ l, sử dụng được nhiều loại micropipet	96 cái/ hộp	Hộp	30		
4	Đầu côn 20 $\mu$ l có lọc	Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 1 - 20 $\mu$ l, sử dụng được nhiều loại micropipet	96 cái/ hộp	Hộp	40		
5	Đầu côn 10 $\mu$ l có lọc	Nhựa vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có filter lọc, hút thể tích từ 0,1 - 10 $\mu$ l, sử dụng được nhiều loại micropipet	96 cái/ hộp	Hộp	80		
6	Giấy thấm vuông	Thành phần chính: Bột giấy nguyên sinh Định lượng: 18 $\pm$ 2 g/ m <sup>2</sup> Kích thước: 330 x 330 mm	100 tờ/ gói	gói	55		
7	Ống lưu mẫu	Vật liệu chế tạo ống và nắp: polypropylene (PP) - Thể tích: 2 ml - Có phần nhám viết nhãn. - Kích thước ống: (D x L) Ø10,8 x 44 (mm) - Chịu được tốc độ ly tâm: 20 000g - Trong suốt. Nắp xoay O-ring - Đáy bằng, tự đứng được - Đã tiệt trùng - Có thể sử dụng bảo quản mẫu ở nhiệt độ âm 150 $^{\circ}$ C	100 cái/ gói	Cái	2000		
8	Tăm bông lấy mẫu họng	Vô trùng, cán nhựa cứng, đầu là bông không thấm, từng que riêng biệt	100 cái/ hộp	cái	500		
9	Tăm bông lấy mẫu hậu môn	Vô trùng, cán nhựa cứng, từng que riêng biệt	100 cái/ hộp	cái	400		
10	Đè lưỡi	Gỗ, vô trùng, từng cái riêng biệt	100 cái/hộp	Cái	400		
11	Dây Strip 8, loại 0,1ml (có nắp sẵn)	Dây 8, vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có nắp sẵn, nắp bằng, chịu nhiệt > 120 độ	120 dây/ hộp	Dây	240		
12	Dây Strip 8, loại 0,1ml (có nắp rời kèm theo)	Dây 8, vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, thể tích 0,1ml có nắp dây 8 rời kèm theo, nắp phẳng, trong suốt, chịu nhiệt > 120 độ	125 dây/ hộp	Dây	375		
13	Dây Strip 8, loại 0,2ml (có nắp sẵn)	Dây 8, vô trùng, không chứa ADN/ARN/Protein, có nắp sẵn, nắp bằng, chịu nhiệt > 120 độ	120 dây/ hộp	Dây	360		

Y  
VIỆ  
NH D  
NGH  
★

14	Ống nghiệm nhựa trắng có nắp 5ml	Nhựa trong suốt, vô trùng, chịu lực quay ly tâm 8.000 vòng/ phút, thể tích chứa 5ml	Gói /500 cái	Cái	1500		
15	Ống nghiệm nhựa có nắp 15ml	Nhựa trong suốt, vô trùng, chịu lực quay ly tâm đến 8.000 vòng/phút, nắp đậy kín	50cái/ gói	Cái	450		
16	Giấy nhôm	12 inches x 1000 feet (304mm x 304,8m)		cuộn	3		
17	Bình xịt nhựa	Bình xịt bằng nhựa đựng cồn dùng sát khuẩn trong PXN, dung tích 500ml, có vòi xịt		Cái	15		
18	Tăm bông lấy mẫu ty hầu (NGƯỜI LỚN)	Vô trùng, cán nhựa mềm, đầu lông là sợi tổng hợp, từng que riêng biệt, dài từ 15 cm trở lên, có khắc bề đầu; HSD: > 24 tháng	50 cái/ hộp	cái	150		
19	Tăm bông lấy mẫu ty hầu (TRẺ EM)	Vô trùng, cán nhựa mềm, đầu lông là sợi tổng hợp DÙNG CHO TRẺ EM, từng que riêng biệt, dài từ 15 cm trở lên, có khắc bề đầu; HSD: > 24 tháng	50 cái/ hộp	cái	100		
20	Hộp lưu mẫu 100 vị trí	- Chất liệu: Nhựa polypropylene - Kích thước: 141 x 154 x 55mm; Hộp 100 vị trí; Hộp được đánh số để dễ nhận biết mẫu; Tương thích với các microtubes và ống lưu mẫu thể tích 2ml; Có thể rửa đông nhiều lần; Lỗ thoát nước và lỗ thông hơi giảm thiểu sự ngưng tụ; Kháng hóa chất đối với rượu và dung môi hữu cơ nhẹ - Dải nhiệt độ: 86°C đến 121°C		Cái	70		
21	Chai nuôi cấy tế bào 75cm <sup>2</sup> .	Chất liệu nhựa PS, Kiểu nắp xoáy, nắp kín, đã xử lý bề mặt cho tế bào bám dính Thể tích nuôi cấy: 15 – 38 mL Free Dnase, Rnase, DNA, Pyrogen đạt chứng nhận chất lượng IVD		cái	100		
22	Chai nuôi cấy tế bào 25cm <sup>2</sup> .	Chất liệu nhựa PS, Kiểu nắp xoáy, nắp kín. đã xử lý bề mặt cho tế bào bám dính Free Dnase, Rnase, DNA, Pyrogen đạt chứng nhận chất lượng IVD		cái	100	Corning	Code: 14831
23	Tube nuôi cấy tế bào	Ống polystyrene, nắp polyetylen, nắp kín Ống có thành phẳng cung cấp diện tích nuôi cấy 5,5 cm <sup>2</sup> để nuôi cấy tế bào bám dính.	Quy cách mong muốn: 75 cái/ gói	cái	600		

		<p>Ống nghiệm có thành phẳng giúp dễ dàng quan sát dưới kính hiển vi; có thể sử dụng làm kính trong ống nghiệm.</p> <p>Môi trường được giữ lại trong ống có thành phẳng ở vị trí nằm ngang.</p>					
24	Filter Syringe 0.2 $\mu$ m (phin lọc vô trùng)	<p>Thành phần: Cellulose axetat không chứa chất hoạt động bề mặt (SFCA)</p> <p>Dùng để lọc các phân tử có kích thước <math>\leq 0,2\mu</math>m. Dễ dàng sử dụng và gắn với bộ lọc đầu vào.</p>	Quy cách mong muốn: 50cái/ Hộp	Cái	100		
25	Giá inox cầm ống nghiệm	Giá inox không rỉ, 40 - 50 lỗ (4 - 5 dãy), cầm được ống 15 - 20 ml		Cái	10		
26	Ủng cao su	Cao su, cô cao, nhựa tổng hợp (2 size: 39 -40 cho Nữ; 2 size: 41-42 cho Nam)		Đôi	4		
27	Pipette vô trùng loại 2ml	Tiệt trùng sẵn, nhựa trong suốt, dùng 1 lần; Có vạch chia thể tích rõ ràng, đầu hút thon nhỏ, đóng gói riêng lẻ hoặc theo túi kín		cái	100		
28	Pipette vô trùng loại 5ml	Tiệt trùng sẵn, nhựa trong suốt, dùng 1 lần; Có vạch chia thể tích rõ ràng, đầu hút thon nhỏ, đóng gói riêng lẻ hoặc theo túi kín		cái	100		
29	Túi BSC (2kg)	Túi trong suốt, thể tích chứa 2kg rác thải, Dùng chứa rác thải trong tủ an toàn sinh học	kg	kg	15		
30	Pipette vô trùng loại 10ml	Tiệt trùng sẵn, nhựa trong suốt, dùng 1 lần; Có vạch chia thể tích rõ ràng, đầu hút thon nhỏ, đóng gói riêng lẻ hoặc theo túi kín		cái	100		
31	Găng tay size S (không bột)	Chất liệu (cao su tự nhiên/tổng hợp), kích cỡ (S), không bột, tuân thủ các tiêu chuẩn y tế như ASTM D3578, EN 455, ISO 13485, có khả năng kháng hóa chất, dầu mỡ, sử dụng 1 lần, thuận cả hai tay và giảm dị ứng.	100 cái/ hộp	Hộp	5		
32	Găng tay size M (không bột)	Chất liệu (cao su tự nhiên/tổng hợp), kích cỡ (M), không bột, tuân thủ các tiêu chuẩn y tế như ASTM D3578, EN 455, ISO 13485, có khả năng kháng hóa chất, dầu mỡ, sử dụng 1 lần, thuận cả hai tay và giảm dị ứng.	100 cái/ hộp	Hộp	35		
33	Xà bông rửa tay diệt khuẩn dạng dung dịch	Diệt khuẩn: Loại bỏ 99.9% vi khuẩn và ngăn ngừa vi khuẩn lây lan trên da.		Chai	10		

		<p>Dưỡng ẩm: Công thức chứa Vitamin (B3, C, E) và dưỡng chất cấp ẩm giúp da tay mềm mịn, không khô.</p> <p>Vitamin+: B3 (Niacinamide), C (Sodium Ascorbyl Phosphate), E (Tocopheryl Acetate).</p> <p>Ion Bạc+ (Silver Oxide): Hỗ trợ sức đề kháng tự nhiên của da.</p> <p>Hoạt chất Active Silver+: Giúp làm sạch sâu, bảo vệ khỏi vi khuẩn.</p>					
34	Khẩu trang y tế	<p>Khẩu trang y tế 3 lớp bao gồm cấu tạo 3 lớp (vải không dệt chống thấm ngoài, màng lọc Meltblown kháng khuẩn ở giữa, vải không dệt mềm mại bên trong), chất liệu vải PP, khả năng lọc bụi mịn &gt;95% (thường đạt 99% cho khuẩn và &gt;95% cho hạt), dây đeo co giãn, nẹp mũi và đáp ứng các tiêu chuẩn như TCVN 8389-1:2010, ISO 13485, CE, FDA, bảo vệ khỏi bụi, vi khuẩn, virus và giọt bắn</p>	50 cái/ hộp	Hộp	20		
35	Túi rác vàng	Túi rác thải y tế có vạch ngăn, có dây buộc, chịu nhiệt 121 độ khi hấp khử trùng	Kg	Kg	20		
36	Túi rác đen	Túi rác thải y tế có vạch ngăn, có dây buộc, chịu nhiệt 121 độ khi hấp khử trùng	Kg	Kg	13		
37	Túi rác xanh	Túi rác thải y tế có vạch ngăn, có dây buộc, chịu nhiệt 121 độ khi hấp khử trùng	kg	kg	17		
38	Ống ly tâm Eppendorf	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được làm từ Nhựa vô trùng trong suốt, không chứa ADN/ARN/Protein, nhám, chịu nhiệt từ âm 80 đến 110 độ C, nắp bật với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ.</li> <li>• Sử dụng trong các máy ly tâm lên tới 17.000 rpm max.</li> <li>• Với thiết kế bề mặt nắp phẳng, và dễ dàng mở, đóng nắp.</li> <li>• Thể tích: 1.5ml -2ml</li> </ul>	500 cái/gói	cái	5500		
39	Bơm tiêm 5ml	Cỡ kim 23G x 1"	100 cái/ hộp	Hộp	1		

Y  
IÊN  
DỊCH  
GUYỄN  
★

